

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ TRONG LỜI BÀI HÁT CỦA TRỊNH CÔNG SƠN

Đinh Lê Thu*

Từ trước đến nay nhiều nhà nghiên cứu và những người yêu nhạc Trịnh Công Sơn đã đề cập đến cái hay, cái lạ, kể cả sự khó hiểu của ngôn ngữ trong lời bài hát của cổ nhạc sĩ này. Nhưng nhận xét của Văn Cao có lẽ là lời gợi ý quan trọng cho chúng ta khi lý giải những đặc điểm ngôn ngữ ca từ Trịnh Công Sơn. Trong lời bạt cho tập nhạc *"Em còn nhớ hay em đã quên"*, Văn Cao đã viết "Tôi gọi Sơn là con người của thơ ca. Ở Sơn, nhạc và thơ quyện vào nhau đến độ khó phân định cái nào là chính, cái nào là phụ... Sơn viết hồn nhiên như thể cảm xúc nhạc thơ tự nó trào ra". Có thể nói Trịnh Công Sơn không chỉ là một nhạc sĩ mà còn là một nhà thơ. Ngôn ngữ của ca từ Trịnh Công Sơn là ngôn ngữ thơ. Vì vậy trong bài viết này chúng tôi tìm hiểu nghệ thuật ngôn từ của Trịnh Công Sơn dưới góc nhìn về đặc điểm ngôn ngữ thơ trữ tình.

1. Thể thơ và hình thức thơ trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn

Để nghiên cứu những vấn đề này, chúng tôi dựa vào *Thư mục ca khúc Trịnh Công Sơn* của Phạm Văn Đình với 242 bài hát. Chúng tôi nhận thấy rằng phần lời của mỗi ca khúc của ông đều là một bài thơ hoàn chỉnh, và hầu hết là thơ của ông chứ rất hiếm khi phổ thơ của tác giả khác. Điều này làm nên nét độc đáo có một không hai của ông trong số các nhạc sĩ Việt Nam. Vì lời thơ trào ra, quyện vào đồng thời với nhạc khi sáng tác nên thơ và nhạc của ông thật là hồn nhiên, giản dị như dòng chảy tự nhiên trong trời đất, thể hiện cảm xúc và sự suy tư của tác giả về tình yêu và thân phận của kiếp người.

1.1. Thể thơ

Thể thơ mà ông dùng trong ca từ rất đa dạng. Vì thơ gắn với nhạc nên phần chuyển đoạn nhạc, hay điệp khúc trong bài hát thường được tác giả chuyển thể thơ. Khi phân loại lời bài nhạc theo thể thơ, chúng tôi dựa vào thể thơ thuần nhất từ đầu đến cuối bài hoặc thể thơ chủ đạo của lời ca. Thể thơ được phân loại theo số lượng âm tiết trong mỗi câu thơ (âm tiết tạm gọi là chữ).

Có thể nói Trịnh Công Sơn đã sử dụng hầu hết các thể thơ cổ truyền Việt Nam, chủ yếu từ bốn âm tiết đến nhiều âm tiết trong một câu và thể thơ tự do để tạo nên lời bài hát của mình. Nhưng ông ít sử dụng thể thơ lục bát, một thể thơ thường gặp trong ca dao, dân ca và một số tác phẩm cổ điển (Theo các nhà nghiên cứu Bùi Văn Nguyên và Hà Minh Đức /1/, các thể thơ ca cổ truyền Việt Nam là các thể thơ dân tộc, hoặc các thể thơ ca tuy có chịu ảnh hưởng ít nhiều nước ngoài nhưng đã được dân tộc hoá. Các thể thơ ca cổ truyền Việt Nam bao gồm các thể văn vần dân gian như tục ngữ, câu đố, ca dao, dân ca, vè, đó là *các thể thơ gốc*. Các thể thơ gốc đó hoặc mỗi câu hai, ba, bốn âm tiết v.v... cho đến ngoài 10 âm tiết). Sau đây là những thể thơ chính thường gặp trong thơ ca Việt Nam và trong sáng tác của Trịnh Công Sơn:

1.1.1 Thể thơ 4 chữ

Trong thơ ca dân gian thể bốn chữ này thường dùng trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là trong vè dưới hình thức nói lời, kể chuyện. Trong ca dao có những bài thơ 4 chữ rất hay mà ai cũng thuộc như:

Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất

* PGS.TS, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. HCM

Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai

Trịnh Công Sơn cũng có những ca khúc mà phần lời là một bài thơ thuộc thể thơ 4 chữ, ví dụ các bài *Ai ngoài cánh cửa*, *Buồn từng phút giây*, *Ca dao mẹ*, *Chiếc lá thu phai*, *Tưởng rằng đã quên*, *Cũng sẽ chìm trôi*, *Đóa hoa vô thường*, *Em đi trong chiều*, *Lặng lẽ nơi này*, v.v... Trong đó tiêu biểu là bài *Ca dao mẹ*, đậm chất dân gian, có những câu như:

Mẹ ngồi ru con
Đong đưa võng buồn
Năm qua tuổi mọn
Mẹ nhìn quê hương

1.1.2 Thể thơ 5 chữ

Theo Bùi Văn Nguyên và Hà Minh Đức /1/ thể thơ 5 chữ vốn đã có trong thơ ca dân gian (phổ biến là lối hát giặm Nghệ Tĩnh) và trong các loại thơ cổ phong và thơ Đường. Trong *Phong trào thơ mới*, xuất hiện trong văn học Việt nam từ đầu những năm 30, có nhiều bài thơ thể thơ 5 chữ có giá trị như *Ông đồ* của Vũ Đình Liên, *Tình quê* của Hàn Mặc Tử, *Chùa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp, *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, *Viễn khách* của Xuân Diệu, v.v... Trịnh Công Sơn cũng có những lời bài hát thuộc thể thơ 5 chữ, ví dụ các bài: *Ru ta ngậm ngùi*, *Yêu dấu tan theo*, *Ru đời đi nhé*, *Cánh chim cô đơn*, *Chiều một mình qua phố*, *Đêm*, *Em đến từ nghìn xưa*, *Một ngày như mọi ngày*, v.v... Sau đây là một khổ thơ trong lời bài hát *Cánh chim cô đơn* của Trịnh Công Sơn:

Như là mây giang hồ
Lang thang cùng với gió
Lạc loài như chốn xa
Như là chim xa đàn

1.1.3 Thể thơ 7 chữ

Thể này còn gọi là thất ngôn. Thể này khá phổ biến trong tục ngữ, ca dao, dân ca. Thể 7 chữ của Việt Nam khác hẳn thể thất ngôn của Trung Quốc ở nhịp và vần. Nhịp chủ yếu của thơ Việt là nhịp $\frac{3}{4}$. Ví dụ, các câu tục ngữ thường gặp:

Giọt máu đào /hơn ao nước lã
Được lòng ta /xót xa lòng người

Thỉnh thoảng cũng gặp nhịp $\frac{4}{3}$ và $\frac{2}{2/3}$.

Một số bài nhạc của Trịnh Công Sơn được công chúng yêu thích với ca từ là những bài thơ theo thể 7 chữ như các bài: *Em còn nhớ hay em đã quên*, *Nắng Thủy tinh*, *Tôi ơi đừng tuyệt vọng*, *Em là bông hồng nhỏ* v. v... và các bài thơ 7 chữ trong lời các bài hát khác như *Có một dòng sông đã qua đời*, *Cỏ xót xa đưa*, *Còn ai với ai*, *Em đi bỏ lại con đường* v.v... Trong bài *Nắng Thủy tinh*, có những câu thơ rất hay:

Màu nắng hay là màu mắt em
Mùa thu mưa bay cho tay mềm,
Chiều nghiêng nghiêng bóng nắng qua thềm,
Rồi có hôm nào mây bay lên.

1.1.4 Thể thơ 8 chữ và nhiều hơn 8 chữ

Trong tục ngữ và ca dao có thể gặp loại này, ví dụ:

Tục ngữ 8 chữ : Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ;
Chim trời cá nước, ai được thì ăn

Ca dao 8 chữ :
Con gái đang thì đã nên con gái

Cái áo em mặc chải chải hoa hồng
Anh đứng anh trông, má hồng đỏ thắm,
Anh đứng anh ngắm, đẹp để làm sao

Lời bài nhạc của Trịnh Công Sơn khá nhiều bài thơ loại này có giá trị như *Diễm xưa*, *Con mắt còn lại*, *Hoa vàng mấy độ*, *Hãy yêu nhau đi*, *Một cõi đi về*, v.v... và các bài khác như *Bay đi thăm lặng*, *Bên đời hiu quạnh*, *Bến sông*, *Chưa mất niềm tin*, *Một ngày vinh quang*, *Một ngày tuyệt vọng*, *Chìm dưới cơn mưa*, *Đời cho ta thế*, v.v...

Lời bài hát *Diễm xưa* có thể coi là một bài thơ 8 chữ điển hình của Trịnh Công Sơn, có các câu:

Mưa vẫn hay mưa cho đời biển động
Làm sao em biết bia đá không đau,
Xin hãy cho mưa qua miền đất rộng,
Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau.

1.1.5 Thể thơ tự do

Thể thơ tự do được hiểu là thể thơ không hạn định về số lượng âm tiết trong một câu thơ, số lượng câu thơ trong một bài và ít bị ràng buộc về vần, nhịp. Tuy nhiên thơ tự do vẫn tự đòi hỏi phải giữ được tính thơ trong nội dung cảm xúc và sự hài hoà của nhịp điệu trong câu thơ, khổ thơ và toàn bài thơ.

Do lời bài hát hoà quyện với cảm xúc và nhạc điệu nên Trịnh Công Sơn đã sáng tạo nên rất nhiều bài thơ thể loại tự do, thiên biến vạn hoá, không có nhà thơ Việt Nam hiện đại nào sánh kịp. Đây là thể loại thơ chính trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn, ví dụ trong các bài *Biển nhớ*, *Biển nghìn thu ở lại*, *Biển sáng*, *Bốn mùa thay lá*, *Bóng bóng ơi*, *Bóng không là bóng*, *Cánh đồng hoa bình*, *Cát bụi*, *Chiều trên quê hương tôi*, *Cho đời chút ơn*, *Tuổi đời mệnh mông*, *Cho một người nằm xuống*, *Con đường mùa xuân*, *Dã tràng ca*, *Dấu chân địa đàng*, *Em đến cùng mùa xuân*, *Muôn trùng biển ơi*, *Ngày về*, v.v...

Không thể liệt kê hết sự thay đổi về số lượng âm tiết trong câu thơ và sự biến hoá của nhịp điệu trong các bài thơ tự do này, chỉ xin trích đoạn vài bài thơ như thế:

... Ngựa buông vó, người đi chùng chân đã bao lần,
Nửa đêm đó lời ca dạ lan như ngại ngần,
Vùng u tối loài sâu hát lên khúc ca cuối cùng,
Một đời bỏ ngõ đêm hồng,
Ngoài trời còn dâng nước lên mắt em.

Tiếng ca bắt nguồn từ đất khô
Từ mưa gió
Từ vào trong đá xưa
Đến bây giờ mắt đã mù
Tóc xanh đen vàng trán thơ ...

(*Dấu chân địa đàng*)

Lời bài nhạc *Dấu chân địa đàng* là sự biến chuyển từ những câu thơ 10 chữ, đến thơ lục bát, câu thơ 7 chữ, 3 chữ, 5 chữ, 6 chữ rồi sau đó tuần hoàn trở lại.

Trong lời bài nhạc *Đêm thấy tôi là thác đổ* có sự thay đổi linh hoạt giữa câu thơ 7 chữ và 6 chữ:

Một hôm bước chân về giữa chợ
Chợt thấy vui như trẻ thơ

Đời ta có khi là đóm lửa
 Một hôm nhóm trong vườn khuya
 (Đêm thấy tôi là thác đổ)

1.2 Việc sử dụng thanh điệu trong ca từ Trịnh Công Sơn

Thanh điệu là đặc trưng ngôn điệu của âm tiết, là thành phần siêu đoạn tính trong cấu tạo âm tiết tiếng Việt. Các thanh điệu được phản ánh trên chữ viết tiếng Việt bằng các dấu ghi trên hoặc dưới nguyên âm. Đó là 6 thanh: *huyền* (˘), *ngã* (˜), *hỏi* (ʔ), *sắc* (ˊ), *nặng* (ˋ) và *thanh không dấu* (gọi tắt là thanh không). Số lượng thanh điệu khác nhau giữa các tiếng địa phương. Trong phát âm Hà Nội (và tiếng Bắc nói chung) được coi là có 6 thanh, giống như trên chữ viết.

Thanh điệu tiếng Việt bao gồm một loạt những đặc trưng ngữ âm điệu tính và phi điệu tính. Những đặc trưng này bao trùm lên toàn bộ âm tiết tiếng Việt và thể hiện rõ nhất trên phần vần.

Đặc trưng điệu tính là những đặc trưng ngữ âm được biểu hiện bằng bằng tần số thanh cơ bản (F0) như âm vực và âm điệu.

Âm vực được hiểu là cao độ trung bình trong quá trình phát âm một âm tiết. Trong tiếng Việt hiện đại, các thanh điệu được phân thành các thanh có *âm vực cao*: *không*, *ngã*, *sắc*, và các thanh có *âm vực thấp* là *huyền*, *hỏi*, *nặng*.

Âm điệu là đặc điểm sự biến thiên của tần số thanh cơ bản trong quá trình phát âm một âm tiết. Sự biến thiên này được gọi là đường nét âm điệu. Dựa vào đặc trưng này có thể phân các thanh điệu tiếng Việt thành hai nhóm lớn là *bằng* và *trắc*. Thanh không và thanh huyền là những thanh bằng. Chúng có âm điệu bằng phẳng hoặc hơi đi xuống. Các thanh ngã, hỏi, sắc, nặng là những thanh trắc. Chúng có đường nét âm điệu phức tạp và biến đổi rất rộng. Thông thường, thanh sắc được miêu tả là một thanh đi lên, thanh nặng là thanh đi xuống, còn thanh hỏi và thanh ngã có đường nét đi xuống rồi đi lên (còn gọi là những thanh có âm điệu đổi hướng hay gãy) /2/.

Thanh điệu tạo nên sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ. Sự trầm bổng của câu thơ được hiểu là sự thay đổi độ cao giữa các thanh bằng và thanh trắc trong câu thơ tiếng Việt. Trong bài “*Tìm hiểu về chức năng khu biệt của thanh điệu tiếng Việt*”/8/, Võ Xuân Hào đã thống kê các thanh điệu trong từ điển tiếng Việt đối với từ đơn tiết và đưa ra kết quả trong bảng sau :

Tần số xuất hiện các thanh điệu trong từ điển Tiếng Việt (từ đơn tiết)

Thanh điệu	Ngã	Hỏi	Huyền	Không	Nặng	Sắc	Tổng cộng
Số lượng	353	570	840	1.029	1.045	1.426	5.263
Tỷ lệ %	6,71	10,83	15,96	19,55	19,88	27,09	100

Giáo sư Hoàng Phê đã thống kê trên 5000 trang văn bản sách báo, xác định được 6.667 âm tiết và tìm tần số xuất hiện các thanh điệu /3/. Số liệu của ông được chúng tôi tổng kết lại theo cùng một kiểu với Võ Xuân Hào để dễ so sánh:

Tần số xuất hiện các thanh điệu trên văn bản tiếng Việt

Thanh điệu	Ngã	Hỏi	Huyền	Không	Nặng	Sắc	Tổng cộng
Số lượng	494	831	1.084	1.267	1.322	1.669	6.667
Tỷ lệ %	7,40	12,46	16,25	19,00	19,82	25,03	100

Như vậy, tần số xuất hiện các thanh điệu trong Từ điển tiếng Việt và trên văn bản thống nhất với nhau. Trong đó, *thanh sắc xuất hiện trong nhiều âm tiết nhất rồi đến thanh nặng, thanh không, thanh huyền, thanh hỏi, thanh ngã*.

Chúng tôi đã thống kê việc sử dụng thanh điệu trong lời 5 bài hát của Trịnh Công Sơn là *Như cánh vạc bay, Nguyệt ca, Quỳnh hương, Hoa xuân ca* và *Biển nhớ* gồm 553 lượt âm tiết. Kết quả được trình bày trong bảng sau:

Tần số xuất hiện các thanh điệu trong lời một số bài hát của Trịnh Công Sơn

Thanh điệu	Ngã	Hỏi	Huyền	Không	Nặng	Sắc	Tổng cộng
Số lượng	28	18	134	256	40	77	553
Tỷ lệ %	5,06	3,25	24,23	46,29	7,23	13,92	100

Mặc dù tư liệu thống kê còn quá ít để khẳng định một điều gì chắc chắn, nhưng có thể nhận xét rằng, trong lời bài hát Trịnh Công Sơn, *thanh không và thanh huyền (tức các thanh bằng) có xu hướng được sử dụng nhiều hơn các thanh trắc*. Trong số các thanh trắc thì *thanh sắc được sử dụng nhiều hơn thanh nặng, thanh ngã và thanh hỏi*.

Điều này có thể hiểu được vì lời bài hát của Trịnh Công Sơn là những bài thơ ông tự sáng tác cho phù hợp với nhạc của mình nên thường sử dụng các âm tiết có thanh bằng, dễ dàng xử lý về cao độ và thời gian ngân vang của các nốt nhạc. Các âm tiết với các thanh đôi hướng (đi xuống rồi đi lên) là thanh ngã và thanh hỏi vốn có tần số xuất hiện thấp trong vốn từ vựng tiếng Việt, lại khó dùng một nốt nhạc duy nhất để thể hiện đường nét âm điệu thay đổi của thanh. Thanh nặng là một thanh thấp, ngắn và có âm tắc thanh hầu ở cuối nên cũng gây khó khăn cho ca sĩ khi hát, đặc biệt là các âm tiết khép, có phụ âm cuối là các phụ âm tắc vô thanh /-p, -t, -k/. Có lẽ nhờ sử dụng nhiều các thanh bằng trong lời bài hát nên ca khúc của Trịnh Công Sơn rất êm ái, mượt mà.

So sánh với một số ca khúc mà nhạc sĩ phổ thơ của người khác, đặc biệt là những bài thơ có nhiều âm tiết mang thanh trắc (ngã, hỏi, sắc nặng) chúng ta sẽ thấy rõ điều này. Ví dụ, bài *Ngon đèn đứng gác*, nhạc Hoàng Hiệp, thơ Chính Hữu. Đây là một bài hát cả lời và nhạc đều hay, nhưng giai điệu bài hát không tránh khỏi nặng nề với những thanh trắc (được in nghiêng trong các câu thơ dưới đây), đặc biệt là thanh trắc ở âm tiết khép với nguyên âm ngắn /ă/ ở cuối câu, không thể ngân dài:

Trên đường ta đi *đánh giặc*
 Dù về Nam hay ta ra *Bắc*
 Ở đâu cũng gặp
 Những *ngon* đèn dầu chong *mắt* đêm *thâu*
 Ôi những *ngon* đèn không bao giờ *nhắm* *mắt*
 Như *những* tâm hồn không bao giờ *tắt*

...

1.3 Nhịp điệu trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn

Khi nghiên cứu về đặc điểm ngôn ngữ thơ trữ tình, Nguyễn Xuân Nam có viết: “Thơ phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Như nhịp đập của trái tim khi xúc động, ngôn ngữ thơ có nhịp điệu riêng của nó. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà bằng cả âm thanh nhịp điệu của từ ngữ ấy...” /7/. Theo ông, nhịp điệu là cách phối hợp âm thanh và cách ngắt nhịp.

Nguyễn Đình Thi, một nhà văn, nhà thơ và nhạc sĩ, tác giả của các ca khúc nổi tiếng *Người Hà Nội* và *Diệt phát xít* đã hiểu về nhịp điệu thơ với sự cảm nhận sâu sắc của một tâm hồn nghệ sĩ. Trong *Mấy ý nghĩ về thơ* (1949), ông viết “Nhịp điệu của thơ không những là

nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm của tiếng đàn bên tai (...). Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn (...). Đó là nhịp điệu thành hình những cảm xúc, hình ảnh liên tiếp, hoà hợp mà những tiếng và chữ gợi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động" (Dẫn theo Mã Giang Lân /5/).

Đọc lời bài hát của Trịnh Công Sơn, khi gặp những thể thơ quen thuộc, ta thường theo quán tính trong tâm thức người Việt để chia câu thơ theo những nhịp 2/2 (thơ 4 chữ), 3/2 hay 2/3 (thơ 5 chữ), $\frac{3}{4}$ hay 2/2/3 (thơ 7 chữ), 2/2/2 (câu 6 của thơ lục bát), 2/2/2/2 hoặc 4/4 (thơ 8 chữ) .

Nhịp điệu quen thuộc này cũng vang lên trong khá nhiều bài hát của Trịnh Công Sơn, thống nhất giữa nhịp của thơ và nhạc, như trong bài *Như cánh vạc bay* (với nhịp $\frac{3}{4}$ cho câu thơ 7 chữ và 2/3 cho câu thơ 5 chữ):

 Gió sẽ mừng/ vì tóc em bay/
 Cho mây hôn /ngủ quên trên vai/
 Vai em /gầy guộc nhỏ/
 Như cánh vạc/ về chốn xa xôi/

Trong bài *Hãy yêu nhau đi*, với tâm trạng vui tươi, câu thơ 8 chữ được ngắt nhịp 2/2/2/2 với sự ngân dài âm tiết thứ hai của mỗi nhịp:

 Hãy yêu/ nhau đi/ khi rừng/ thay lá/
 Hãy yêu/ nhau đi/ dòng nước/trôi xa/
 Nước trôi/ qua tim/ rong đây/ trí nhớ/
 Ngày mãi/ mong chờ/ ngày sẽ/ thiên thu/

Nhưng trong một số bài hát khác, cảm xúc đã dẫn dắt ông trong nhịp điệu biến hoá không thể dự đoán được của âm nhạc, với những khoảng ngân vang và khoảng lặng của tâm hồn. Trong bài *Huyền thoại mẹ*, nhịp quen thuộc của thơ như sau: câu 1 :3/3, câu 2 :3/2, câu 3 :2/3, câu 4 :3/2, câu 5 :3/2, câu 6: 2/3. Nhưng nhịp của lời bài hát là sự ngân dài của các âm tiết cuối của mỗi câu, như thể ông cần thời gian để nhớ lại và suy ngẫm sau mỗi dòng nhạc :

 Đêm chong đèn ngồi/ nhớ/ lại / (4/1/1)
 Từng câu chuyện / ngày/ xưa/ (3/1/1)
 Mẹ về/ đứng / dưới / mưa/ (2/1/1/1)
 Che đàn con nằm/ ngủ / (4/1)
 Canh từng bước chân /thù/ (4/1)
 Mẹ ngồi dưới/ cơn/ mưa / (3/1/1)

Trong bài *Hạ trắng*, lời bài hát chủ yếu thuộc thể thơ 8 chữ, với nhịp điệu quen thuộc phù hợp với điểm dừng ngữ nghĩa, mỗi câu thơ sẽ có nhịp 4/4. Nhưng cảm xúc của tâm hồn nhạc sĩ dào dạt, như dâng trào không thể dứt với nỗi nhớ triền miên, như thể nếu ông ngừng giữa câu thì bóng hình yêu thương sẽ bay mất. Vì vậy, câu nhạc không phân nhịp, mà chỉ ngừng ở cuối câu mà thôi:

 Gọi nắng/ trên vai em gầy đường xa áo bay/ (2/8)
 Nắng qua mắt buồn lòng hoa bướm say / (8)
 Lối xưa em về trời không có mây / (8)
 Đường đi suốt mùa nắng lên thấp đây / (8)

Trong bài *Mưa hồng*, lời bài hát ban đầu là những câu thơ 6 chữ, được chia theo nhịp 3/3 đều đặn, như nhịp đều đều của tiếng mưa rơi. Rồi mưa bỗng mỗi lúc mỗi mau, sầm sập và mật mù, cho hoa phượng bay tã tơi và cây lá chao đảo. Lời ca chuyển thành những câu thơ

7 chữ và nhạc nhanh hơn, chỉ ngắt nhịp ở cuối câu. Nhịp điệu của câu nhạc cũng là nhịp điệu thay đổi của cơn mưa và sự chuyển biến tâm tư của Trịnh Công Sơn:

Trời ươm nắng/ cho mây hồng/ (3/3)
Mây qua mau/ em nghiêng sầu/ (3/3)
Còn mưa xuống/ như hôm nào/ (3/3)
Em đến thăm/ mây âm thầm/ mang gió lên/ (3/3/3)
Em đi về đường mưa ướt áo / (7)
... Đường phượng bay mù không lối vào/ (7)
Hàng cây lá xanh gần với nhau/ (7)

Một vài câu nhận xét hời hợt trên đây với cảm nhận của một người bình thường, không thể nói hết nhịp điệu tâm hồn của người nghệ sĩ tài năng Trịnh Công Sơn vì tâm hồn ông nhạy bén không cùng.

2. Tính hình tượng trong ca từ Trịnh Công Sơn:

Tính hình tượng được hiểu là đặc trưng của nghệ thuật và văn học trong quá trình nhận thức và phản ánh thực tại. Vì đã có một số nhà nghiên cứu tìm hiểu những khía cạnh khác nhau của lời và nhạc Trịnh Công Sơn nên trong khuôn khổ có hạn của bài này chúng tôi chỉ nêu ra một vài đặc trưng của ca từ Trịnh Công Sơn trong việc nhận thức và phản ánh thế giới xung quanh một cách hình tượng, thể hiện sự cảm nhận và đánh giá của tác giả.

Đi vào thế giới ca từ của Trịnh Công Sơn ta như lạc vào thế giới tưởng tượng và ảo mộng của ông. Trịnh Công Sơn hình như nhìn hiện thực khách quan qua một tấm kính màu đặc biệt, qua đó ánh sáng khúc xạ thành những màu sắc khác, không còn giống với bảy màu cầu vồng mà mắt thường nhận thấy; qua đó có thể thấy quá khứ, hiện tại, tương lai đồng hiện, thấy tiền nhân, và thấy cái chết sau cùng... Vì vậy, hình tượng trong thơ ông thật mờ ảo và lạ thường.

2.1 Ảo ảnh về người tình của Trịnh Công Sơn

Nhạc Trịnh rất nhiều bài viết về tình yêu, nhưng hình tượng người phụ nữ ông yêu trong nỗi nhớ và trí tưởng tượng của ông thật mong manh, khói sương, lãng đãng. Những từ ngữ mà ông dùng để vẽ lại bóng dáng người tình trong trí nhớ:

Mình hạc xương mai / Nụ cười mong manh (Đóa hoa vô thường)
Dài tay em mây thuở mắt xanh xao (Diễm xưa)
Bàn tay xanh xao đón ưu phiền (Nắng thủy tinh)
Cho tay em dài / Gầy thêm nắng mai (Hạ trắng)
Vai em gầy guộc nhỏ/ Như cánh vạc về chốn xa xôi (Như cánh vạc bay)
Tóc em từng sợi nhỏ/ Rớt xuống đời thành sóng lênh đênh (Như cánh vạc bay)

Những hình ảnh này thật xanh xao, kỳ ảo và hư vô. Có lẽ chúng ta sẽ hiểu ông phần nào khi đọc lời bài nhạc "Con mắt còn lại" mà ông sáng tác từ cảm hứng khi đọc câu thơ của Bùi Giáng: "Còn hai con mắt, khóc người một con".

Trong khổ ba của bài này có đoạn:

Con mắt còn lại nhìn đời là không
Nhìn em hư vô nhìn em bóng nắng
Con mắt còn lại nhẹ nhàng từ tâm
Nhìn em ra đi lòng em xa vắng
Con mắt còn lại là đêm tối tăm,
Con mắt còn lại là đêm nồng nàn.

Trịnh Công Sơn đã quy y Phật với pháp danh Nguyên Thọ. Ông thấm nhuần Phật pháp và học cách nhìn đời bằng tuệ nhãn. Ông hiểu rõ thực tính của cuộc đời, của vạn hữu là không, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Tuy nhiên ông vẫn là con người “yêu quá cuộc đời này”. Vì vậy hai câu cuối của bài thơ trên giải thích tính ‘trần gian’ của ông. Ông không quên những ‘đêm nồng nàn’ với hương thơm và cảm giác “lạ lạ” của những đôi môi hồng:

Nắng có hồng bằng đôi môi em (*Như cánh vạc bay*)

Quỳnh thơm như môi em thơm ...

Môi em cho ta một cánh hồng/ Lạ lạ phút ấy chưa quên (*Quỳnh hương*)

Nhưng hình ảnh đẹp nhất mà ông nhớ về người tình và những người con gái khác có lẽ chính là ‘tà áo rộng’, “áo xưa lồng lộng”, “tà áo phieu bông” của chiếc áo dài dân tộc. Đó là vẻ đẹp thánh thiện tuyệt vời đã cho ông không gian sống và cảm xúc:

Ôi áo xưa lồng lộng đã xô dạt trời chiều (*Tình nhớ*)

Em đi tà áo phôi bông trời cao (*Mưa mùa hạ*)

Trong bài *Cho đời chút ơn*, Trịnh Công Sơn có viết “Cho đời chút ơn biết tà áo nợ”. Theo ông, bài hát này là lòng biết ơn của ông đối với tất cả những người con gái được sinh ra làm cho cuộc đời này trở thành một mùa xuân (Ban Mai lược ghi phỏng vấn theo băng, trên trang web :www.trinh-cong-son.com).

2.2 Màu sắc trong ca từ Trịnh Công Sơn

Màu sắc trong ca từ của Trịnh Công Sơn thường là những màu nhạt nhoà và lạnh lẽo, hiếm khi có màu đậm và màu ấm nóng. Ông thích dùng từ “*xanh xao*”, “*xanh buốt*”, “*xanh rêu*”: tay xanh xao, mắt xanh xao và ... tiếng hát xanh xao:

Ôi tiếng hát *xanh xao* của một buổi chiều (*Lời buồn thánh*)

Hồn ông thì xanh buốt, lạnh giá, còn đời ông thì xanh rêu:

Trên bước chân em âm thầm lá đổ

Chợt hồn *xanh buốt* cho mình xót xa (*Điểm xưa*)

Nắng trong ca từ của ông xuất hiện rất nhiều lần, có nắng ban mai, nắng chiều và cả nắng khuya nữa, nhưng thường có sắc vàng, vàng phai, hoặc long lanh nhất là thủy tinh không màu. Đôi khi nắng chỉ có màu khi soi vào mắt, vào môi, và lùa vào tóc người mà thôi.

Nắng vàng phai như nỗi đời riêng (*Tôi ơi đừng tuyệt vọng*)

Màu nắng hay là màu mắt em (*Nắng thủy tinh*)

Nắng trong ca từ của Trịnh Công Sơn buồn vô cùng:

Nhìn những mùa thu đi em nghe sầu lên trong nắng (*Nhìn những mùa thu đi*)

Lùa nắng cho buồn vào tóc em (*Nắng thủy tinh*)

Nắng qua mắt buồn, lòng hoa bướm say (*Hạ trắng*)

Đọc lời bài hát Trịnh Công Sơn, với ‘hồn lạnh buốt’, “nắng tàn phai”, ‘hạ trắng’ ta bỗng nhớ cái nắng hạ âm áp, chói chang trong bài *Từ ấy* của Tố Hữu, cũng là một nhà thơ xứ Huế:

Từ ấy tim tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lý chói qua tim,

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim.

Thiên nhiên trong một số lời bài hát của Trịnh Công Sơn thường là bức ký họa không màu hoặc là màu nhạt nhoà, tàn phai của cỏ khô, lá úa:

Tôi thấy em trong tiền kiếp với cọng buồn cỏ khô

Rừng thu lá úa em vẫn chưa về (*Rừng xưa đã khép*)

Trong một số bài khác, cây cọ tài tình của ông tô lên những màu đặc biệt đến ngỡ ngàng như “mưa hồng”, “mưa xanh”. Ông tô màu cho thời gian như “hạ trắng”, “mai hồng”, “đêm hồng”.

Trời làm cơn mưa xanh dưới những hàng me (*Tuổi đời mệnh mỏng*)

Những mai hồng ngời nhớ thiên thu (*Cỏ xót xa đưa*)

Một đời bỏ ngõ đêm hồng (*Dấu chân địa đàng*)

Nhạc sĩ Phạm Duy nhận xét: “Toàn bộ âm nhạc của Trịnh Công Sơn như là một bức họa trừu tượng hơn là tả thực” (Dẫn theo Lê Hữu, /4/). Thật vậy, chúng ta ít khi tìm thấy trong lời bài hát tên riêng của những ngọn núi, dòng sông, con đường, khu vườn, cánh rừng... mà ông đã qua. Kể cả những loài có tiếng hót, có tiếng kêu cũng chẳng mấy khi có tên, mà chỉ được ông gọi chung là “loài sâu” mà thôi:

Vùng u tối loài sâu hát lên khúc ca cuối cùng (*Dấu chân địa đàng*)

May mắn cho một vài loài hoa được ông nhắc tới như hoa hồng, hoa vông, hoa sữa, hoa tường vi, hoa lan hay quỳnh hương trắng. Còn những loài hoa khác chỉ có màu và mùa đi qua:

Đường trần em đi hoa vàng mấy độ (*Hoa vàng mấy độ*)

Thỉnh thoảng ta cũng gặp những màu sắc vui tươi ấm áp của đời thực trong những bài hát ông viết cho trẻ em như *Em là hoa hồng nhỏ*, *Ra đồng giữa ngo* v.v... Có lẽ đó là những phút giây hiếm hoi ông không bị chìm đắm trong sự suy tư về thân phận, không bị ám ảnh bởi cái chết và quên đi những người tình đã phụ ông.

Thằng bé xinh xinh ra đồng giữa ngo

Miệng môi hồng đỏ như đoá hoa vông

Hoa vông mùa hè lập loè thỉnh không

(*Ra đồng giữa ngo*)

Lời bài nhạc “*Nhớ mùa thu Hà Nội*” có lẽ là bức tranh tả thực đẹp nhất của Trịnh Công Sơn. Nỗi nhớ Hà Nội của ông thật da diết, sâu lắng, tinh tế, đầy màu sắc và hương thơm. Đây có lẽ là bài thơ hay nhất về thiên nhiên Hà Nội được hát lên với cung bậc giàu cảm xúc của một tình yêu lớn:

Hà Nội mùa thu, cây com nguội vàng, cây bàng lá đỏ

Nằm kề bên nhau, phố xưa nhà cổ, mái ngói thâm nâu

... Mùa hoa sữa về, thơm lòng ngọn gió

Mùa cốm xanh về, thơm bàn tay nhỏ

... Hồ Tây chiều thu, mặt nước vàng lay bờ xa mời gọi

Màu sương thương nhớ, bày sấm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời

Như vậy, Trịnh Công Sơn không những là một họa sĩ thành công với những bức tranh trừu tượng, mà đôi khi ông cũng thành công tuyệt vời trong những bức tranh tả thực hiếm hoi.

Lời và nhạc của Trịnh Công Sơn là nguồn cảm xúc của biết bao người Việt Nam. Mỗi người nghiên cứu và người yêu mến ông đã, đang và sẽ viết về ông theo cách nhìn, cách hiểu của riêng mình (giống như người mù sờ voi, thấy voi khác nhau từ mỗi phía).

Không chắc đã có ai thật sự hiểu hết các nhạc phẩm, ca từ và con người nghệ sĩ Trịnh Công Sơn, một thiên tài đã ở trọ trần gian trong thời gian rất ngắn ngủi nhưng đã để lại cho đời biết bao yêu thương, suy tư, sầu muộn và cả một kho tàng vô giá về âm nhạc và ngôn ngữ.

Bài viết này của chúng tôi, xuất phát từ ý tưởng tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và âm nhạc nhằm khai thác đặc điểm có thanh điệu và giàu nhạc tính của tiếng Việt để tìm con đường đưa âm nhạc vào các giờ học tiếng Việt, tăng thêm sự hấp dẫn và hiệu quả của việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Nhưng khi bước vào thế giới ca từ phong phú của Trịnh Công Sơn, chúng tôi bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ. Vì vậy chúng tôi chỉ kịp ghi lại những kết quả bước đầu trong việc tìm hiểu các thể thơ trong lời bài hát, việc sử dụng thanh điệu, sự biến hoá của nhịp điệu thơ và tính hình tượng trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn.

Hy vọng những nhà nghiên cứu am hiểu hơn về âm nhạc và ngôn ngữ sẽ cùng chúng tôi đi tiếp con đường này để tìm đến cái đích cuối cùng.

TP.HCM ngày 28/2/2011 (Kỷ niệm 72 năm ngày sinh của Trịnh Công Sơn)

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Nguyên - Hà Minh Đức, *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại* (in lần thứ tư). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003.
2. Đinh Lê Thu - Nguyễn Văn Huệ, *Cơ cấu ngữ âm tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1998.
3. Hoàng Phê, *Quy tắc đặt dấu thanh vào một âm tiết chữ Việt*, Báo cáo khoa học “ Hội thảo chính tả Việt trong công nghệ thông tin”, Hà Nội, 1995.
4. Lê Hữu, *Áo giã Trịnh Công Sơn*, Báo Văn học, số Tân niên, tháng 2-3/2004.
5. Mã Giang Lân, *Nhịp điệu thơ hôm nay*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 3/2007.
6. Phạm Văn Đình, *Thư mục ca khúc Trịnh Công Sơn*, www.tcs-home.org
7. Trần Đình Sử - Phương Lựu - Nguyễn Xuân Nam, *Lý luận văn học, tập II*. NXB Giáo dục, 1987.
8. Võ Xuân Hào, *Tìm hiểu về chức năng khu biệt của thanh điệu tiếng Việt* (qua cứ liệu thống kê trên từ điển tiếng Việt), Ngôn ngữ, số 1, 1994, tr.49-57.

Tóm tắt:

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ TRONG LỜI BÀI HÁT CỦA TRỊNH CÔNG SƠN

Đinh Lê Thu

Trịnh Công Sơn (1939 -2001) là một nhạc sĩ nổi tiếng của Việt Nam. Trịnh Công Sơn đã viết hơn 400 ca khúc, phần lớn là tình ca. Bài hát của ông được hàng triệu người yêu mến vì đã thể hiện được tâm hồn của người Việt Nam. Đặc biệt là phần lời của mỗi ca khúc là một bài thơ hoàn chỉnh.

Bài viết này của chúng tôi, xuất phát từ ý tưởng tìm hiểu mối quan hệ giữa ngôn ngữ và âm nhạc nhằm khai thác đặc điểm có thanh điệu và giàu nhạc tính của tiếng Việt để tìm con đường đưa âm nhạc vào các giờ học tiếng Việt, tăng thêm sự hấp dẫn và hiệu quả của việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Nhưng khi bước vào thế giới ca từ phong phú của Trịnh Công Sơn, chúng tôi bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ. Vì vậy chúng tôi chỉ kịp ghi lại những kết quả bước đầu trong việc tìm hiểu các thể thơ, việc sử dụng thanh điệu, sự biến hoá của nhịp điệu thơ và tính hình tượng trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn.

Bài viết này cũng là lời biết ơn và sự tưởng nhớ đến Trịnh Công Sơn, nhân kỷ niệm lần thứ 72 ngày sinh của ông (28/2/1939-28/2/2011), trùng với dịp tổ chức Hội thảo về giảng dạy tiếng Việt.

Abstract:

LINGUISTIC CHARACTERISTICS IN SONG LYRICS BY TRINH CONG SON

Đinh Lê Thu

Trinh Cong Son (1939-2001) was a famous composer and musician of Vietnam. Trinh Cong Son composed over 400 songs, most of which were love songs. His songs have been loved by millions because they truly express the soul of the Vietnamese people. Especially, the lyrics of each song were a complete poem.

Our paper is based on the idea as to investigate the relationship between linguistics and music in order to explore the Vietnamese language's characteristics deeply rich in tone and intonation, from which to find a way to introduce music into Vietnamese language lessons, and enhance the attractiveness as well as effectiveness of teaching Vietnamese to foreigners. However, when embarking on Trinh Cong Son's world of lyrics, we are enchanted and overwhelmed by the beauty of poem language. Therefore, we can only gain initial outcomes of the research on poem styles and forms, on the use of tones and intonations, on the change of poem rhythm, and on the hieroglyphic nature of Trinh Cong Son's song lyrics.

This paper is also an acknowledgement and remembrance to Trinh Cong Son on the occasion of his 72th birthday (February 28, 1939 – February 28, 2011), also the same day as the Conference on Vietnamese Language Teaching is held.